

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu
xây dựng thông thường tại khu vực mỏ đá xã Hồ Vương,
xã Nga An và xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa
(Trừ lượng tính đến tháng 6 năm 2025)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 152/GP-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Cường Lợi;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH Cường Lợi đề ngày 20 tháng 6 năm 2025 nộp tại Trung Tâm phục vụ hành chính công tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1348/TTr- SNNMT-ĐCKS ngày 04 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực mỏ đá xã Hồ Vương, xã Nga An và xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa”, cụ thể như sau:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản là 8,6 ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối tính trữ lượng (Bình đồ phân bố thân quặng) kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo là 3.750.403 m³, bao gồm:

- Trữ lượng cấp 121: 542.394 m³.
- Trữ lượng cấp 122: 3.208.009 m³.

3. Tài nguyên cấp 333: 0 m³.

4. Các khoáng sản đi kèm: Đất làm vật liệu san lấp là 123.233 m³, bao gồm:

- Trữ lượng cấp 121: 0 m³.
- Trữ lượng cấp 122: 123.233 m³.

5. Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng; thống kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2.

1. Công ty TNHH Cường Lợi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo kết quả thăm dò của đơn vị; Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các số liệu, nội dung trong hồ sơ thăm định, báo cáo UBND tỉnh.

2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH Cường Lợi, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Lưu: VT, CN (T11.25).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hồ Vương,
xã Nga An và xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN2000 Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X(m)	Y(m)
1	2218 117,14	604 222,67
2	2218 386,61	604 259,82
3	2218 504,47	603 890,55
4	2218 516,73	603 792,74
5	2218 397,67	603 776,09
6	2218 363,26	603 954,10
7	2218 425,48	603 995,30
8	2218 402,11	604 062,29
9	2218 261,94	604 040,37
10	2218 164,72	603 993,59
Diện tích: 8,6 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hồ Vương,
xã Nga An và xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng đá vôi làm VLXD thông thường (m ³)	Trữ lượng đất san lấp đi kèm (m ³)	Ghi chú
1	1-121	+ 5	424.794		
2	2-121	+ 5	117.600		
Tổng 121			542.394		
1	1-122	+ 5	622.575	34.415	
2	2-122	+ 5	20.931	4.552	
3	3-122	+ 5	2.564.503	84.266	
Tổng 122			3.208.009	123.233	
Tổng 121+122			3.750.403	123.233	